FireAnt

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

CƠ CẤU TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	1,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	34,896,354
KLGD BQ 20 phiên (CP)	130,960
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	86
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
P/E	-1.7
EPS	-947

	YTD	1T	3T	6T
HHG		23.1%	0.0%	-20.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu Tổng tài sản

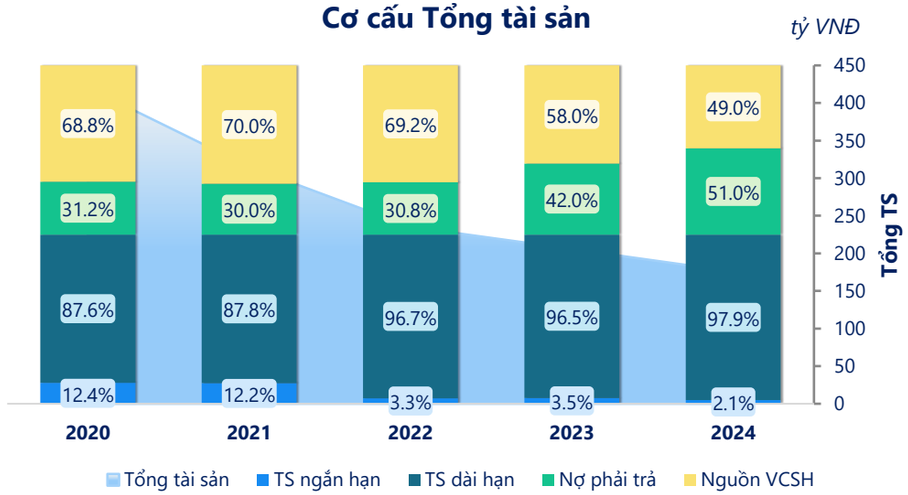

Tổng tài sản của **HHG** năm 2024 đạt **175.8** tỷ đồng, giảm **14.6%** so với năm trước. Trong đó, tỷ trọng của tài sản dài hạn trong Tổng tài sản là 97.9%, lớn hơn tài sản ngắn hạn. Cơ cấu Nguồn vốn có sự khá cân bằng khi tỷ trọng của nợ phải trả và vốn chủ sở hữu lần lượt là 51.0% và 49.0%.

Cần phân tích cụ thể sự thay đổi giá trị cũng như cơ cấu tổng tài sản những năm gần đây.

Cơ cấu sở hữu

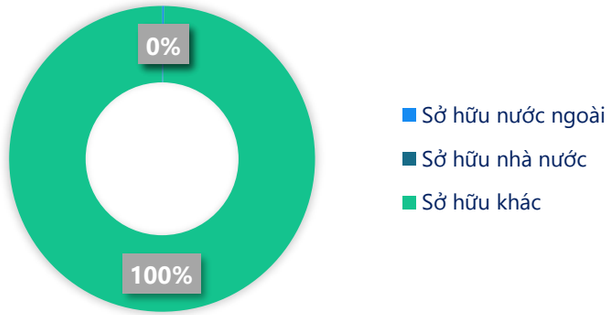

Cơ cấu cổ đông



Về cơ cấu sở hữu, **sở hữu khác** chiếm tỷ lệ cao nhất là **99.8%**, tiếp đến là sở hữu nước ngoài 0.21% và không có sở hữu nhà nước.

Trong đó, cổ đông lớn nhất là **Lưu Huy Hà (Chủ tịch HĐQT)** sở hữu **1.06%**, lớn thứ 2 là Lưu Tuấn Anh (Thành viên HĐQT) nắm giữ 0.42% và đứng thứ 3 là Lưu Minh Sơn (Thành viên HĐQT) nắm giữ 0.37%.

Powered by Infographic

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

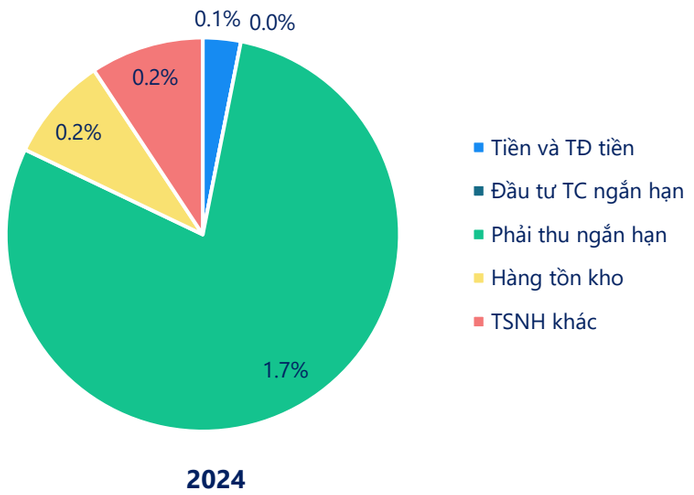

2024

Tài sản ngắn hạn

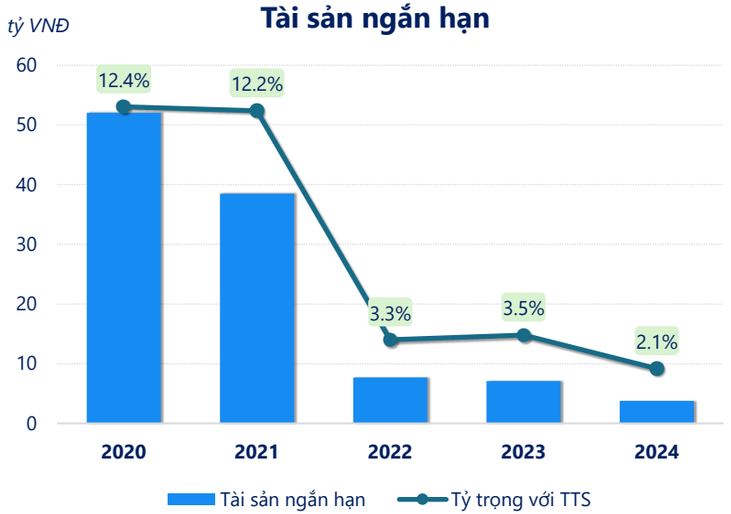

Tiền và tương đương tiền

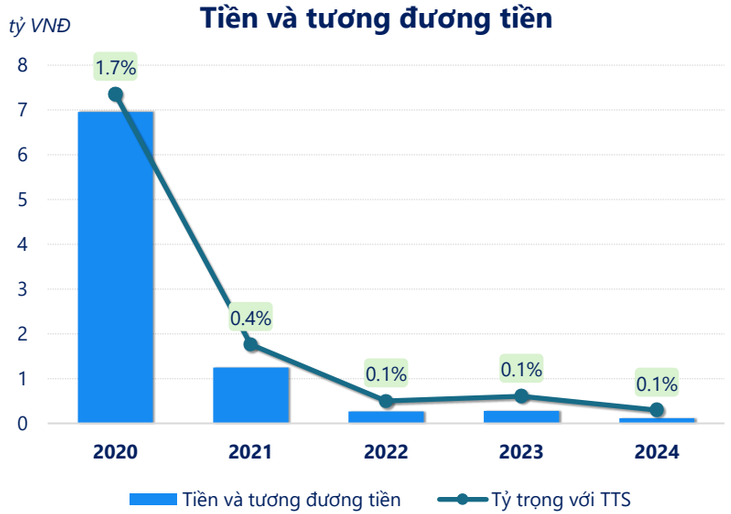

Tài sản ngắn hạn của HHG năm 2024 giảm **47.1%** so với năm trước, đạt **3.77** tỷ đồng. Cùng với đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm xuống so với năm trước chiếm **2.14%** tổng tài sản. Trong đó, **phải thu ngắn hạn** chiếm tỷ trọng lớn nhất **1.69%**, tiếp đến là tài sản ngắn hạn khác chiếm 0.20% trên tổng tài sản.

Phân tích cơ cấu tài sản ngắn hạn giúp đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn và mức độ cân đối trong cấu trúc tài sản.

Phải thu ngắn hạn

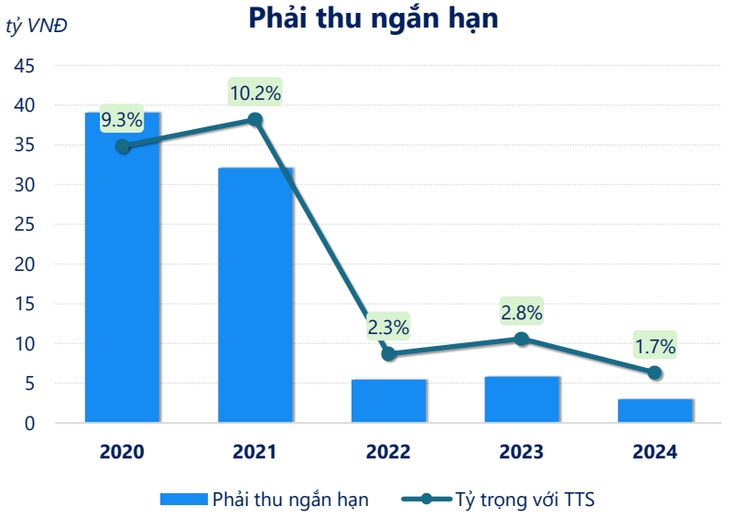

Hàng tồn kho

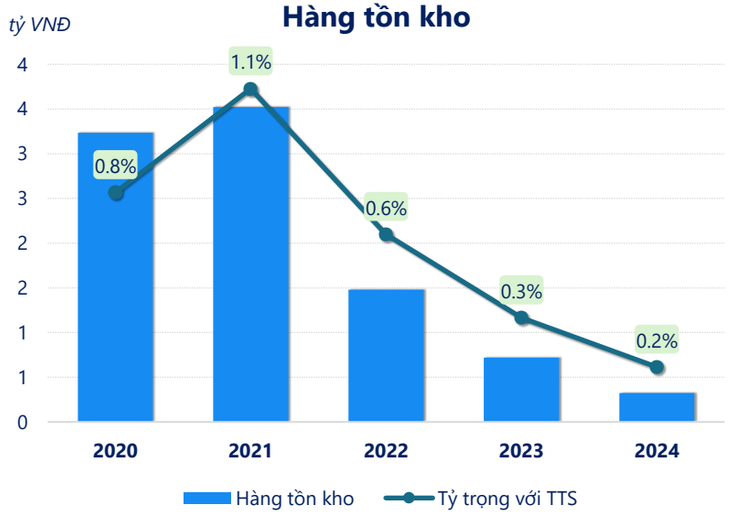

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

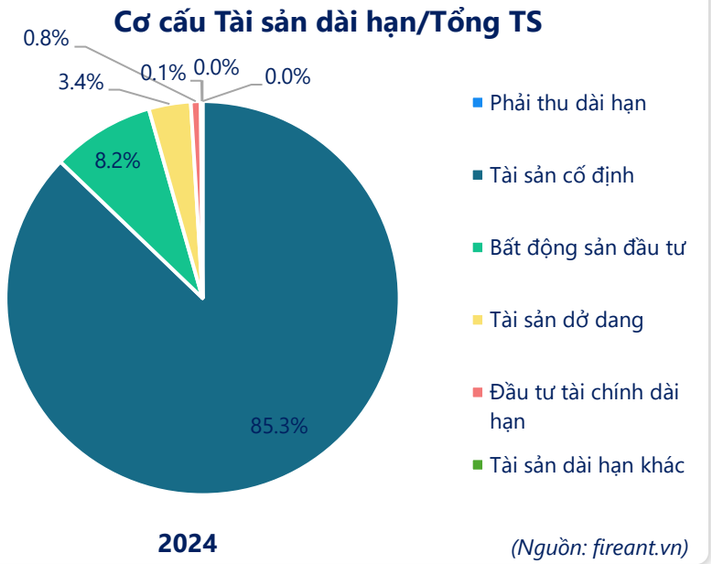

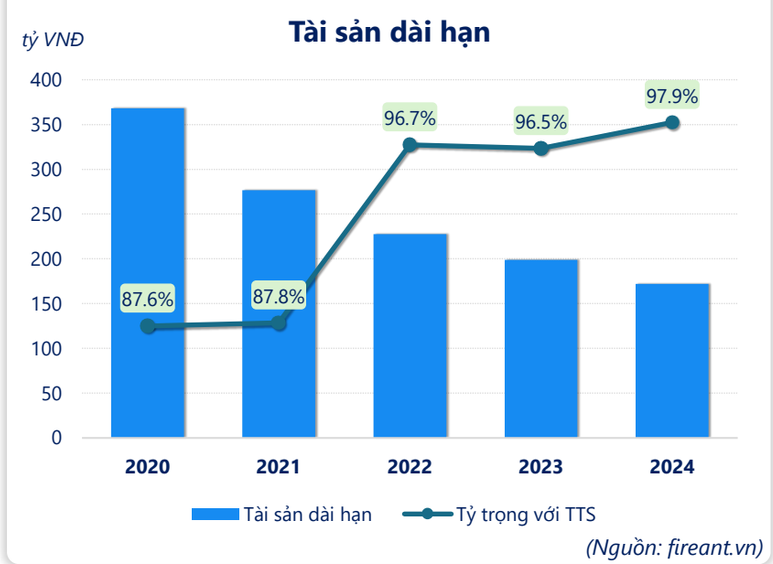

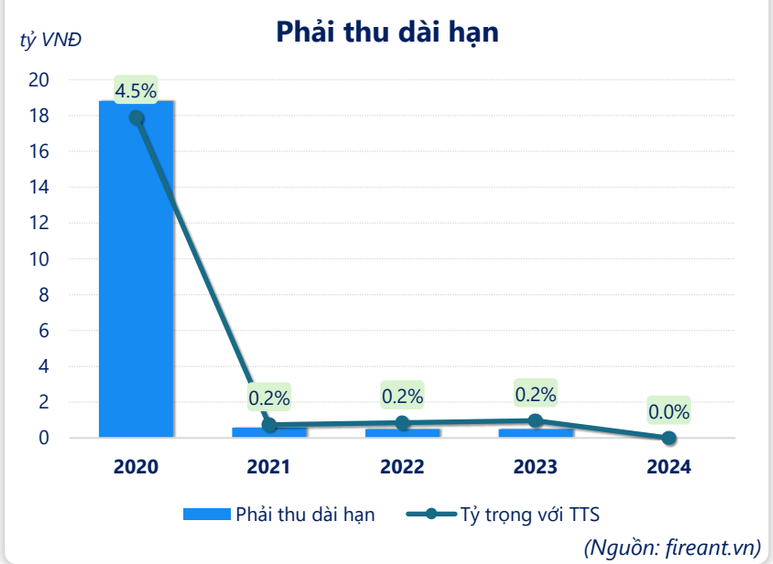

Tài sản dài hạn đạt **172.0** tỷ đồng giảm **13.5%** so với năm trước. Tuy nhiên, tỷ trọng trên tổng tài sản tăng lên, chiếm **97.9%**. Trong đó **tài sản cố định** chiếm cao nhất **85.3%**, sau đó là bất động sản đầu tư chiếm 8.24%.

Phân tích cơ cấu tài sản dài hạn giúp đánh giá khả năng sinh lợi dài hạn, khả năng chi trả nợ dài hạn và khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông. Cần đánh giá tổng quan với các doanh nghiệp cùng ngành để đưa ra kết luận tốt hơn.

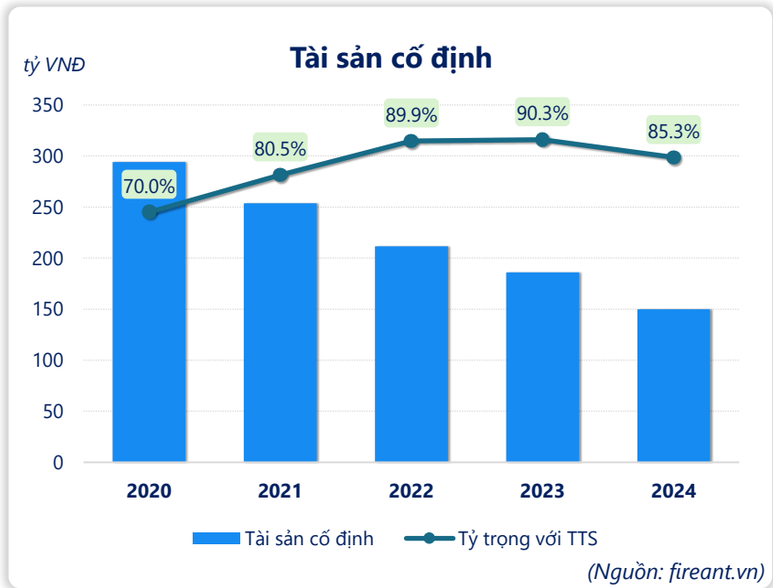

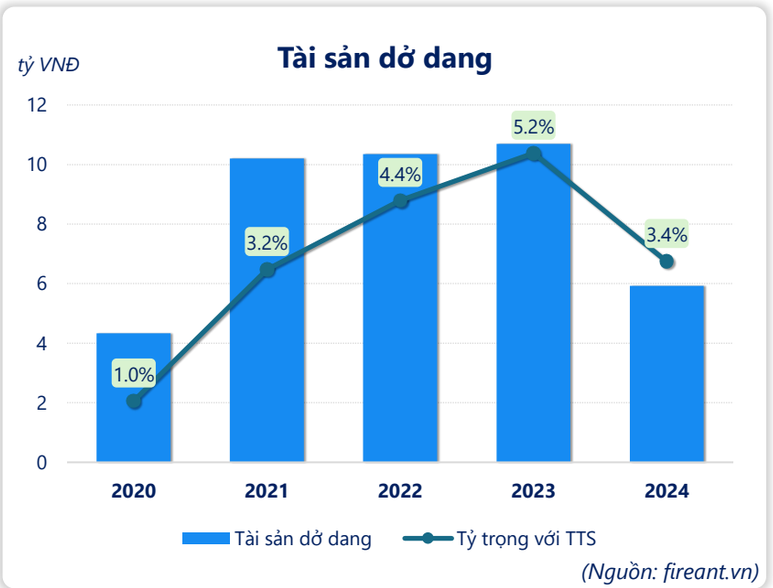

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Nợ vay

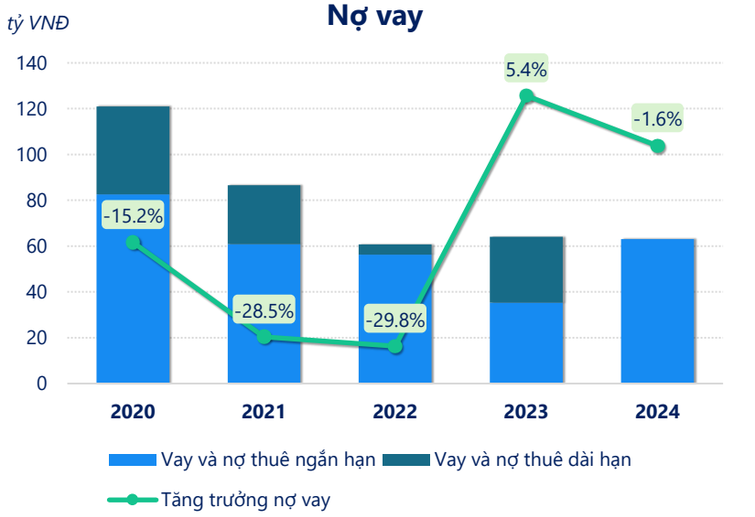

Vốn chủ sở hữu

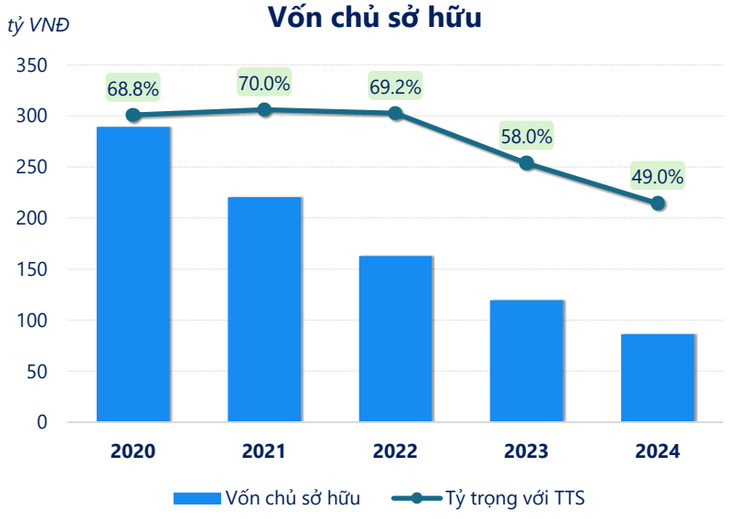

Vốn điều lệ

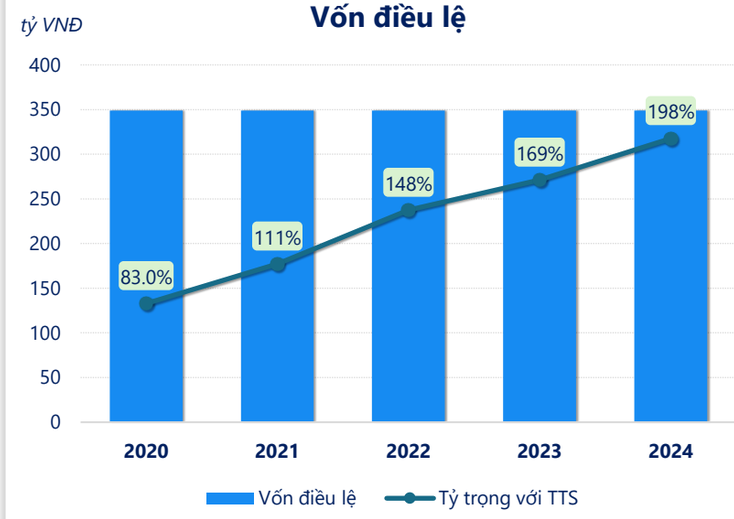

Vốn lưu động/Tổng TS

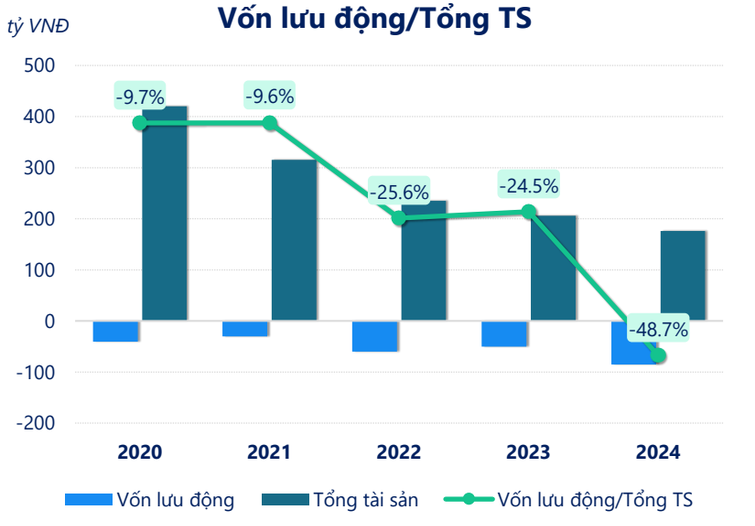

Vốn hóa thị trường/Tổng nợ

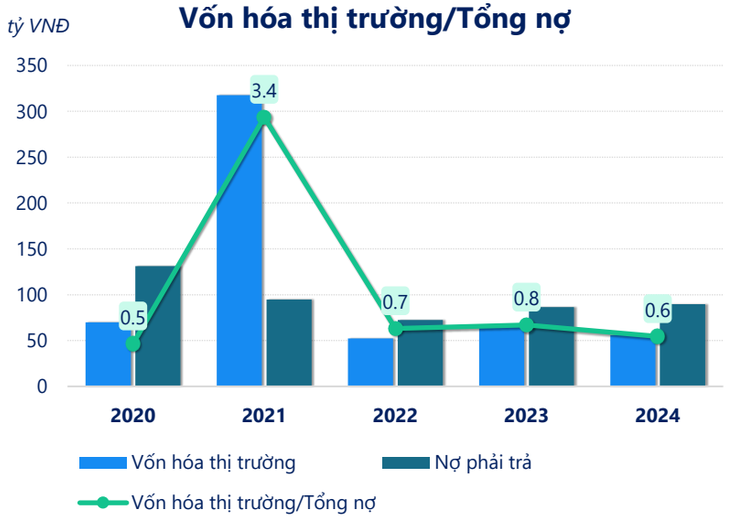

Chỉ số thanh khoản

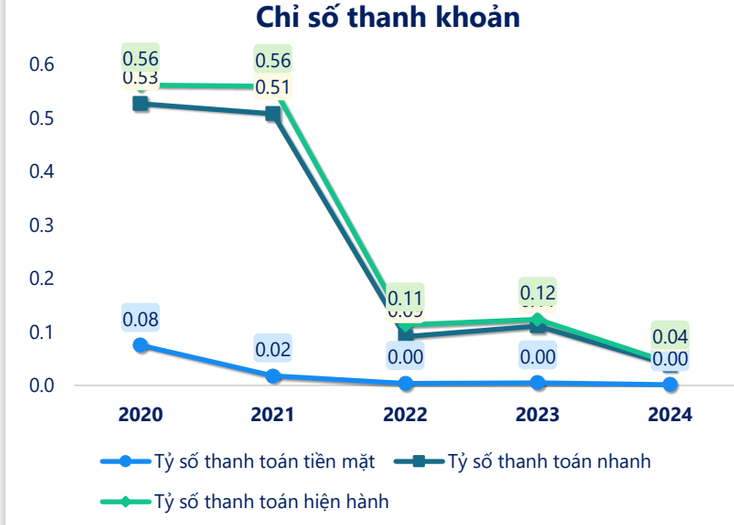

FireAnt

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**176**	**206**	**-14.6%**
Tài sản ngắn hạn	3.25	7.12	-54.3%
Tiền và tương đương tiền	0.12	0.28	-58.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.46	5.82	-57.8%
Hàng tồn kho	0.32	0.72	-55.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.35	0.29	20.0%
Tài sản dài hạn	**173**	**199**	**-13.2%**
Phải thu dài hạn	0.51	0.50	2.8%
Tài sản cố định	164	186	-11.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.93	10.7	-44.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.40	1.28	9.6%
Tài sản dài hạn khác	**0.25**	**0.40**	**-36.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.4	86.5	3.4%
Nợ ngắn hạn	**89.1**	**57.7**	**54.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.0	35.3	78.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.67	7.97	-29.0%
Nợ dài hạn	0.34	28.8	-98.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	28.8	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**86.4**	**119**	**-27.7%**
Vốn chủ sở hữu	**86.4**	**119**	**-27.7%**
Vốn điều lệ	349	349	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**112**	**94.3**	**104**	**61.5**	**40.8**
Giá vốn hàng bán	147	129	135	87.2	61.8
Lợi nhuận gộp	**-35.0**	**-34.3**	**-30.4**	**-25.8**	**-20.9**
Doanh thu HĐTC	1.17	0.04	0.06	0.08	0.15
Chi phí TC	12.6	6.87	6.76	5.16	2.17
Chi phí lãi vay	**12.6**	**6.87**	**6.76**	**5.16**	**2.17**
LN trong công ty LKLD	-0.51	-0.19	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	16.9	17.0	14.4	11.3	10.6
LN thuần từ HĐKD	**-63.9**	**-58.2**	**-51.5**	**-42.2**	**-33.5**
Lợi nhuận khác	-2.42	-10.3	-6.35	-1.08	0.51
LN trước thuế	**-66.3**	**-68.6**	**-57.8**	**-43.2**	**-33.0**
Lợi nhuận sau thuế	**-66.3**	**-68.6**	**-57.8**	**-43.2**	**-33.3**
LNST của CĐ cty mẹ	**-66.3**	**-68.6**	**-57.8**	**-43.2**	**-33.3**

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.54	8.64	16.2	-13.5	-1.54
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.8	20.1	8.59	10.3	2.41
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.7	-34.4	-25.7	3.27	-1.03
Tiền đầu kỳ	6.26	6.95	1.25	0.27	0.28
Lưu chuyển tiền thuần	**0.70**	**-5.70**	**-0.98**	**0.01**	**-0.16**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	6.95	1.25	0.27	0.28	0.12

Powered by Infographic